

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2026/HS-ST
Ngày: 13-8-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Chánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Nguyễn Bá Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2026/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Thị Mộng C, sinh ngày 17/3/1991 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: thôn M, xã T, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Quốc C1, sinh năm 1971 và bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1972; Anh, chị, em ruột: 01 người; chồng là Lê Đình T, sinh năm 1990; Có 02: con thứ nhất sinh năm 2018, con thứ hai sinh năm 2026; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn M, xã T, tỉnh Gia Lai từ ngày 02/06/2026 đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Ông Lê Đình T1, sinh năm 1968

Bà Lê Thị K, sinh năm 1968

Đồng cư trú: Thôn Q, xã T, tỉnh Gia Lai

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Lê Đình T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, tỉnh Gia Lai

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Mộng C với anh Lê Đình T, sinh năm: 1990, ở thôn Q, xã T, tỉnh Gia Lai là vợ chồng và thuê nhà số E N, xã T, tỉnh Gia Lai để buôn bán. Trong các ngày 11/6/2025 và 15/8/2025, Phạm Thị Mộng C đã lấy số vàng của vợ chồng, gồm: 02 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng 02 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 02 chỉ, 01 đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 5 phân, 02 cong vàng 18K trọng lượng 3,5 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 05 chỉ, 01 cặp nhẫn cưới vàng 18K tổng trọng lượng 1,5 chỉ, với tổng giá trị: 125.700.000 đồng đem đi bán trả nợ cá nhân nhưng không nói cho anh T biết. Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 04/02/2026, Phạm Thị Mộng C về nhà bố mẹ chồng là ông Lê Đình T1, sinh năm: 1968 và bà Lê Thị K, sinh năm: 1968, ở thôn Q, xã T, tỉnh Gia Lai để lấy giấy tờ đăng ký bảo hiểm. Lúc này, C thấy chỉ có bà Phạm Thị T2, sinh năm: 1927 (bà nội chồng) ở nhà nên nảy sinh ý định tạo dựng hiện trường giả vụ trộm cắp tài sản với mục đích để che giấu anh T chuyện C lấy số vàng bán trả nợ cá nhân. Cầm liền đi vào phòng ngủ của vợ chồng ông T1, bà K lấy quần áo ném xuống nền nhà. Lúc này, C phát hiện trong túi áo khoác màu xanh đang treo ở gần cánh cửa ra vào có số tiền: 5.300.000 đồng nên liền lấy số tiền trên. Tiếp tục, C mở tủ đựng quần áo (cửa tủ không khóa) vừa lấy quần áo ném xuống nền nhà vừa lục lấy số tiền 500.000 đồng được cất bên trong túi áo khoác màu hồng. Sau khi lấy số tiền trên, C đi sang phòng ngủ của vợ chồng C lấy quần áo trong tủ ném xuống nền nhà và lấy 01 con heo đất bên trong có số tiền tiết kiệm của vợ chồng rồi quay về lại nhà trọ. Trên đường đi ngang qua nghĩa địa thuộc thôn M, xã T, C lấy con heo đất ra đập lấy số tiền bên trong là 4.250.000 đồng. Ngày 05/02/2026, C lấy 4.000.000 đồng trả nợ cho Tạ Thanh S, sinh năm 1997, ở Tổ dân phố V, phường B, thành phố Hải Phòng. Đến ngày 08/02/2026, Phạm Thị Mộng C đến Công an xã T đầu thú, khai nhận toàn bộ sự việc.

- Vật chứng thu giữ:

+ Số tiền 250.000 đồng, gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá: 50.000 đồng.

+ Số tiền 5.800.000 đồng, gồm: 11 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá: 100.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu xong.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại số tiền 5.800.000 đồng, có đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại và xin xem xét miễn, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra, Phạm Thị Mộng C thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi phạm tội bị cáo là phụ nữ đang mang thai; phạm tội thuộc trường hợp đầu thú.

Bản cáo trạng số: 44/CT-VKSGLI-KV ngày 29/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Phạm Thị Mộng C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Thị Mộng C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Mộng C từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Các vật chứng đã được Cơ quan điều tra xử lý, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo Phạm Thị Mộng C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận hành vi phạm tội của mình, biết hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại ông Lê Đình T1, bà Lê Thị K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Đình T và người làm chứng bà Huỳnh Thị Mỹ D đều

có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy những người này đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án; sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi, tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị Mộng C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản thu giữ, xử lý vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 04/02/2026, tại nhà ông Lê Đình T1 và bà Lê Thị K ở thôn Q, xã T, tỉnh Gia Lai, trong lúc tạo dựng hiện trường giả vụ trộm cắp tài sản nhằm che giấu việc trước đó đã lấy số vàng của vợ chồng bán để trả nợ cá nhân, Phạm Thị Mộng C đã lén lút lấy trộm số tiền 5.300.000 đồng để trong túi áo khoác màu xanh và 500.000 đồng để trong túi áo khoác màu hồng, tổng cộng 5.800.000 đồng của ông Lê Đình T1 và bà Lê Thị K. Hành vi của bị cáo là cố ý, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, với giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.800.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm nhưng vì mục đích cá nhân vẫn cố ý lén lút chiếm đoạt.

Khi thực hiện hành vi, bị cáo còn tạo dựng hiện trường giả vụ trộm nhằm che giấu việc mình đã lấy số vàng của vợ chồng để bán trả nợ cá nhân. Tuy nhiên, việc bị cáo lấy số vàng của vợ chồng không thuộc phạm vi truy tố, xét xử của vụ án này; do đó Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi này. Việc tạo dựng hiện trường giả được xem xét trong quá trình đánh giá tính chất, động cơ và diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo. Hành vi của bị cáo cần được xử lý bằng hình phạt tương xứng nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Thị Mộng C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị Mộng C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là phụ nữ đang mang thai. Đây là

các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đến Công an xã T đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, số tiền bị chiếm đoạt đã được thu hồi, trả lại cho bị hại; bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường và có đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết thể hiện bị cáo đã khắc phục hậu quả, được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Đối với số vàng trị giá: 125.700.000 đồng mà Phạm Thị Mộng C đã giấu anh T đem đi bán lấy tiền trả nợ cá nhân, cùng với số tiền 4.250.000 đồng bên trong con heo đất. Đây là tài sản chung của vợ chồng, anh T tự nguyện đưa cho C cất giữ. Anh T không có yêu cầu gì đối với số tài sản trên và đã có đơn bãi nại. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý Phạm Thị Mộng C đối với số tài sản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Tạ Thanh S là người đã cho bị cáo vay số tiền 17.000.000 đồng (C2 khai đã trả số tiền lãi 15.000.000 đồng). Đến nay, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với S. Tuy nhiên, số tiền thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng và S chưa bị xử lý hành chính hay bị kết án về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Do đó, không đủ cơ sở để xử lý S về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt:

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện đầu thú, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đặc biệt, tại thời điểm phạm tội, bị cáo đang mang thai.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà có thể áp dụng mức hình phạt phù hợp, cho bị cáo có cơ hội tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình. Việc cho bị cáo được hưởng án treo, nếu có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, là phù hợp, không gây nguy hiểm cho xã hội và vẫn bảo đảm tính răn đe, giáo dục.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền 5.800.000 đồng bị cáo chiếm đoạt đã được Cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho ông Lê Đình T1 và bà Lê Thị K.

Ông Lê Đình T1 và bà Lê Thị K không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 5.800.000 đồng gồm 11 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Lê Đình T1 và bà Lê Thị K nên không xem xét.

[9] Về án phí:

Bị cáo Phạm Thị Mộng C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ các Điều 106, 135, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Mộng C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Mộng C 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/8/2026).

Giao bị cáo Phạm Thị Mộng C cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Phạm Thị Mộng C có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Phạm Thị Mộng C thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Ông Lê Đình T1 và bà Lê Thị K đã nhận lại số tiền 5.800.000 đồng, không yêu cầu bị cáo Phạm Thị Mộng C bồi thường gì thêm nên không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: không

5. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị Mộng C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Phạm Thị Mộng C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông Lê Đình T1, bà Lê Thị K có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 2 – Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- CQCSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- CQTHAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Gia Lai;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Chánh